

TRƯỜNG MN KIẾN THIẾT

BÁO CÁO SỐ THU - CHI CÁC QUỸ

Học kỳ 1 năm học 2025-2026

STT	TÊN QUỸ	SỐ DƯ ĐẦU	SỐ PHÁT SINH TĂNG	SỐ PHÁT SINH GIẢM	SỐ DƯ CUỐI
I	Ngân sách Nhà nước				
1	Nguồn 12	8 672 000		8 672 000	
2	Nguồn 13	3 205 694 080	- 448 757 655	2 756 936 425	
3	Nguồn 18	406 823 000	10 132 000	416 955 000	
4	Nguồn 15		365 437 000	215 437 000	150 000 000
II	Tiền gửi kho bạc TK 3716	233 854 773	188 090 000		45 035 000
1	Học phí	233 854 773	188 090 000	376 909 773	45 035 000
III	Tiền gửi kho bạc TK 3713	6 786 000	11 742	11 742	6 786 000
1	Tiền thưởng	6 786 000			6 786 000
2	Lãi TK 3713		11 742	11 742	
IV	Tiền gửi ngân hàng	354 108 829	2 080 013 000	1 725 352 426	708 769 403
1	QL trẻ ngoài giờ HC		490 128 000	337 758 960	152 369 040
2	DV trông trẻ ngày thứ 7	194 338 400	118 320 000	273 238 400	39 420 000
3	Phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh	9 352 500	113 615 000	36 412 500	86 555 000
4	Hỗ trợ người nấu ăn, chăm ăn, trông trưa, QL và vệ sinh bán trú	6 666 060	197 180 000	151 306 900	52 539 160
5	Tiền phục vụ ăn bán trú	122 777 745	1 038 606 000	845 217 466	316 166 279
6	Chăm sóc SKBD	20 541 223			20 541 223
7	Lãi TK ngân hàng	432 901	324 000	110 000	646 901
8	Trẻ MG Làm quen với Tiếng anh		102 010 000	71 580 000	30 430 000
9	Thu 25% công ty TA chuyển		18 830 000	8 728 200	10 101 800
10	Thu tiền xã cho 20/11		1 000 000	1 000 000	
TỔNG SỐ		594 749 602	2 268 114 742	1 725 364 168	760 590 403

KẾ TOÁN



Ngô Thị Chăm

Tân Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025



Nguyễn Thị Bảy